

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số	3448/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
-----------------------------	------------	---------------------------

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 15 tháng 10 năm 2009. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
	Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên
	Ông Võ Hiến	Thành viên
	Ông Tề Trí Dũng	Thành viên
	Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
	Ông Lê Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát	Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên

Trụ sở đăng ký	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trình bày từ trang 4 đến trang 51 được lập và trình bày nhằm phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

 Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

Giới thiệu

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ”), được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 8 tháng 8 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là phát hành báo cáo về các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện gì để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 12-01-284



Chang Hung Chun
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2012

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		387.494.791.189	206.827.484.139
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	11.751.227.747	10.048.378.526
Tiền	111		11.751.227.747	9.598.378.526
Các khoản tương đương tiền	112		-	450.000.000
Đầu tư ngắn hạn	120	4	22.320.000.000	31.174.899.000
Đầu tư ngắn hạn	121		54.800.000.000	65.730.739.308
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(32.480.000.000)	(34.555.840.308)
Phải thu ngắn hạn	130	5	348.805.157.705	150.573.389.206
Phải thu khách hàng	131		21.094.304.087	11.413.308.057
Trả trước cho người bán	132		188.531.336.139	40.631.312.832
Các khoản phải thu khác	135		139.179.517.479	98.528.768.317
Hàng tồn kho	140	6	128.561.552	10.030.892.733
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.489.844.185	4.999.924.674
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		44.461.077	108.636.367
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		976.479.365	1.092.864.564
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.468.903.743	3.798.423.743

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.315.297.617.370	1.314.184.455.466
Phải thu dài hạn	210		4.345.621.247	4.345.621.247
Các khoản phải thu khác	218		4.345.621.247	4.345.621.247
Tài sản cố định	220		512.699.214.671	491.961.809.424
Tài sản cố định hữu hình	221	7	3.611.119.583	3.914.990.931
<i>Nguyên giá</i>	222		11.503.531.854	11.376.771.945
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.892.412.271)	(7.461.781.014)
Tài sản cố định vô hình	227	8	44.354.376.192	44.747.675.028
<i>Nguyên giá</i>	228		47.084.099.490	47.084.099.490
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.729.723.298)	(2.336.424.462)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	464.733.718.896	443.299.143.465
Bất động sản đầu tư	240	10	188.849.465.495	192.660.607.952
<i>Nguyên giá</i>	241		224.224.251.966	224.224.251.966
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(35.374.786.471)	(31.563.644.014)
Đầu tư dài hạn	250	11	602.655.057.645	616.331.064.926
Đầu tư vào công ty con	251		132.088.107.279	128.263.107.279
Đầu tư vào công ty liên kết	252		141.080.309.000	141.080.309.000
Đầu tư dài hạn khác	258		346.524.698.918	371.311.265.631
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(17.038.057.552)	(24.323.616.984)
Tài sản dài hạn khác	260		6.748.258.312	8.885.351.917
Chi phí trả trước dài hạn	261		4.000.000	1.791.093.605
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	12	5.163.758.312	5.163.758.312
Tài sản dài hạn khác	268		1.580.500.000	1.930.500.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.702.792.408.559	1.521.011.939.605

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.061.959.394.952	870.823.688.655
Nợ ngắn hạn	310		620.983.271.909	460.063.931.289
Vay ngắn hạn	311	13	205.583.824.720	235.127.329.526
Phải trả người bán	312		4.950.659.229	4.959.773.687
Người mua trả tiền trước	313		34.165.226.157	44.268.042.953
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	14	8.117.045.244	9.974.381.188
Phải trả người lao động	315		27.424.147.160	29.864.621.225
Chi phí phải trả	316	15	6.628.384.323	5.511.571.652
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	332.159.350.845	126.244.948.661
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	1.954.634.231	4.113.262.397
Nợ dài hạn	330		440.976.123.043	410.759.757.366
Nợ dài hạn khác	333	18	113.017.837.008	111.707.395.567
Vay dài hạn	334	19	224.414.933.890	194.281.092.890
Doanh thu chưa thực hiện	338	20	103.543.352.145	104.771.268.909
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		640.833.013.607	650.188.250.950
Vốn chủ sở hữu	410	21	640.833.013.607	650.188.250.950
Vốn cổ phần	411	22	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	414	22	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		12.469.151.903	12.469.151.903
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.469.151.903	12.469.151.903
Lợi nhuận chưa phân phối	420		49.564.595.856	58.919.833.199
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.702.792.408.559	1.521.011.939.605

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
Ngoại tệ trong tiền:			
USD		697	703
EUR		-	5

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 8 tháng 8 năm 2012

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Tổng doanh thu	01	23	52.340.111.581	68.590.893.669
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	(40.399.050)	(45.451.188)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10		52.299.712.531	68.545.442.481
Giá vốn hàng bán	11	24	(28.028.234.020)	(45.337.174.575)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		24.271.478.511	23.208.267.906
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	25.123.198.302	33.884.785.467
Chi phí tài chính	22	26	(51.632.308.643)	(45.430.483.546)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(40.968.662.184)	(37.698.018.135)
Chi phí bán hàng	24		(705.750.866)	(1.479.860.399)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(12.233.286.984)	(12.125.888.147)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		(15.176.669.680)	(1.943.178.719)
Thu nhập khác	31	27	50.596.482.811	5.436.702.052
Chi phí khác	32		(1.716.010.750)	(30)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		48.880.472.061	5.436.702.022
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		33.703.802.381	3.493.523.303
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	(334.203.603)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		33.369.598.778	3.493.523.303
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.336	140

Người lập:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 8 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		33.703.802.381	3.493.523.303
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.074.019.794	5.108.865.511
Các khoản dự phòng	03		(9.361.399.740)	6.703.850.847
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(23.124.202.379)	(20.483.725.400)
Lỗ/(lãi) từ kinh doanh chứng khoán	05		19.976.993.308	(13.131.957.950)
Chi phí lãi vay	06		40.968.662.184	37.698.018.135
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		67.237.875.548	19.388.574.446
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(189.493.364.882)	33.069.151.218
Biến động hàng tồn kho	10		9.902.331.181	(570.767.660)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		148.008.168.875	(17.296.008.697)
			35.655.010.722	34.590.949.307
Tiền lãi vay đã trả	13		(45.916.618.364)	(37.818.705.188)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.420.203.787)	(6.856.870.126)
Tiền thuần chi cho hoạt động kinh doanh	20		(17.681.811.429)	(10.084.626.007)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(11.996.961.706)	(16.499.998.567)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác			1.422.708.361	-
Tiền thu từ kinh doanh chứng khoán	22		16.420.746.000	42.279.816.290
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(2.295.000.000)	(17.682.362.620)
Giảm tài sản dài hạn khác			350.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		14.895.879.251	22.508.562.600
Tiền thuần thu từ hoạt động đầu tư	30		18.797.371.906	30.606.017.703
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn	33		235.299.410.532	211.167.722.984
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(234.709.074.338)	(228.254.463.699)
Tiền trả cổ tức	36		(3.047.450)	(12.463.149.200)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động tài chính	40		587.288.744	(29.549.889.915)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

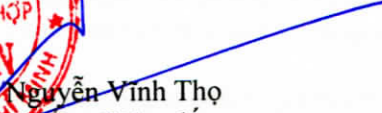
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN**

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.702.849.221	(9.028.498.219)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		10.048.378.526	13.741.019.930
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	3	11.751.227.747	4.712.521.711

Người lập:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 8 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu như Toyota, Ford, GM, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, cung cấp dịch vụ taxi;
- Dịch vụ bất động sản: đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như thương mại và dịch vụ, bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng, tài chính và ngân hàng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có 106 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 134 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các báo cáo tài chính riêng, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các báo cáo tài chính này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con, liên doanh và liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập các báo cáo tài chính hợp nhất trong đó bao gồm báo cáo của Công ty và của các công ty con và phát hành riêng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Công ty.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(f) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Công ty với những công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

(iv) Giảm giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(v) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 6 – 42 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(l) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm. Khấu hao của các bất động sản khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 36 năm

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi kỳ từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(r) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	704.502.306	830.115.739
Tiền gửi ngân hàng	11.046.725.441	8.768.262.787
Các khoản tương đương tiền	-	450.000.000
	11.751.227.747	10.048.378.526

Trong tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có số ngoại tệ tương đương 15 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 15 triệu VND).

4. Đầu tư ngắn hạn

	31/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư ngắn hạn vào:		
• Cổ phiếu niêm yết	31.500.000.000	42.430.739.308
• Cổ phiếu OTC	23.300.000.000	23.300.000.000
	54.800.000.000	65.730.739.308
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(32.480.000.000)	(34.555.840.308)
	22.320.000.000	31.174.899.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản đầu tư vào các cổ phiếu sau:

	30/6/2012	
	Số lượng	VND
Công cụ vốn – đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu của:		
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông	2.400.000	31.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	500.000	14.000.000.000
- Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000
- Công ty Cổ phần Merufa	110.000	3.000.000.000
	3.190.000	54.800.000.000

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	34.555.840.308	12.963.221.528
Hoàn nhập	(2.075.840.308)	(2.912.434.440)
Số dư cuối kỳ	32.480.000.000	10.050.787.088

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 các khoản đầu tư ngắn hạn với giá trị ghi sổ là 22.320 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 26.660 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

5. Phải thu ngắn hạn

Trong phải thu ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có 11.844 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 5.206 triệu VND) phải thu từ các bên liên quan.

Trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 6.140 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 5.754 triệu VND).

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 là 64.528 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 40.385 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****6. Hàng tồn kho**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vật tư	20.529.290	68.774.902
Hàng hóa	108.032.262	9.962.117.831
	128.561.552	10.030.892.733

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	5.030.443.103	3.407.175.048	2.939.153.794	11.376.771.945
Tăng trong kỳ	-	201.321.909	-	201.321.909
Thanh lý	-	(74.562.000)	-	(74.562.000)
Số dư cuối kỳ	5.030.443.103	3.533.934.957	2.939.153.794	11.503.531.854
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.081.235.949	2.072.463.964	2.308.081.101	7.461.781.014
Khấu hao trong kỳ	106.929.138	242.819.265	110.729.508	460.477.911
Thanh lý	-	(29.846.654)	-	(29.846.654)
Số dư cuối kỳ	3.188.165.087	2.285.436.575	2.418.810.609	7.892.412.271
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	1.949.207.154	1.334.711.084	631.072.693	3.914.990.931
Số dư cuối kỳ	1.842.278.016	1.248.498.382	520.343.185	3.611.119.583

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 3.138 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.096 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 1.842 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.796 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	14.634.054.300	32.014.175.190	435.870.000	47.084.099.490
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	2.191.134.462	145.290.000	2.336.424.462
Khấu hao trong kỳ	-	320.653.836	72.645.000	393.298.836
Số dư cuối kỳ	-	2.511.788.298	217.935.000	2.729.723.298
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	14.634.054.300	29.823.040.728	290.580.000	44.747.675.028
Số dư cuối kỳ	14.634.054.300	29.502.386.892	217.935.000	44.354.376.192

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 44.136 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 44.457 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	443.299.143.465	344.762.062.959
Tăng trong kỳ	25.099.288.811	16.192.298.567
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.664.713.380)	-
Số dư cuối kỳ	464.733.718.896	360.954.361.526

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 159.103 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 144.312 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 9.639 triệu VND (2011: 7.441 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****10. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	132.036.608.908	92.187.643.058	224.224.251.966
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.664.713.380	-	3.664.713.380
Thanh lý	(3.664.713.380)	-	(3.664.713.380)
Số dư cuối kỳ	132.036.608.908	92.187.643.058	224.224.251.966
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.788.997.145	25.774.646.869	31.563.644.014
Khấu hao trong kỳ	-	3.811.142.457	3.811.142.457
Số dư cuối kỳ	5.788.997.145	29.585.789.326	35.374.786.471
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	126.247.611.763	66.412.996.189	192.660.607.952
Số dư cuối kỳ	126.247.611.763	62.601.853.732	188.849.465.495

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 10.345 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 7.198 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 121.290 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 72.595 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012****Mẫu B 09a – DN****11. Đầu tư dài hạn**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư vốn dài hạn vào:		
• Các công ty con	132.088.107.279	128.263.107.279
• Các công ty liên kết	141.080.309.000	141.080.309.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	346.524.698.918	371.311.265.631
	619.693.115.197	640.654.681.910
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(17.038.057.552)	(24.323.616.984)
	602.655.057.645	616.331.064.926

Trong đầu tư dài hạn khác có các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các đơn vị khác (niêm yết và chưa được niêm yết) với giá trị ghi sổ là 164.272 triệu VND, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa trên giá niêm yết trên thị trường của công cụ tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 162.330 triệu VND. Phần còn lại của đầu tư dài hạn thể hiện đầu tư của Công ty vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	24.323.616.984	44.831.017.827
Tăng dự phòng trong kỳ	-	9.616.285.287
Hoàn nhập	(7.285.559.432)	-
Số dư cuối kỳ	17.038.057.552	54.447.303.114

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 các khoản đầu tư vào công ty liên kết với giá trị ghi sổ là 16.798 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 16.798 triệu VND) và các khoản đầu tư dài hạn khác với giá trị ghi sổ là 101.590 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 123.848 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công ty con					
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2000, được điều chỉnh ngày 5 tháng 3 năm 2003, ngày 22 tháng 10 năm 2003, ngày 26 tháng 4 năm 2005 và ngày 9 tháng 10 năm 2010.	52,05%	8.328.000.000	8.328.000.000
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%	9.248.504.000	9.248.504.000
Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 5 tháng 12 năm 2011.	55%	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2009 và được điều chỉnh ngày 2 tháng 2 năm 2010.	51%	5.100.000.000	5.100.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006 và được điều chỉnh ngày 23 tháng 6 năm 2011.	63,64%	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008.	55%	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 10 năm 2009.	70%	56.000.000.000	56.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn (HYUNDAI)	Kinh doanh và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy, phụ tùng thay thế; kinh doanh thiết bị điện, vật liệu xây dựng; đại lý ký gửi; cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô, vận chuyển.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401337755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010.	51%	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 9 tháng 9 năm 2009.	51%	25.309.668.000	25.309.668.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC)	Xây dựng các công trình dân dụng, các dự án công nghiệp và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	99%	3.026.885.279	3.026.885.279
Công ty TNHH Savico Vĩnh Long (*)	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1500764333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 30 tháng 6 năm 2011 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 12 năm 2011.	51%	2.295.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong (*)	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1801231071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được điều chỉnh ngày 13 tháng 1 năm 2012.	51%	1.530.000.000	-
				132.088.107.279	128.263.107.279
Các công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Siêu xe	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008.	37,5%	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico (SYM)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu SYM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37,33%	1.120.000.000	1.120.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và được điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.	40,27%	3.221.600.000	3.221.600.000
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Đầu tư số 824/GP-HCM do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40%	31.750.000.000	31.750.000.000
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005 và ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	16.798.709.000	16.798.709.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn và đấu thầu bất động sản, quảng cáo.	Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010.	49%	2.940.000.000	2.940.000.000
Công ty TNHH Savico-Vinaland	Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp văn phòng cho thuê và các dịch vụ liên quan.	Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008.	25%	82.850.000.000	82.850.000.000
				141.080.309.000	141.080.309.000

(*) Trong kỳ, Công ty đã góp 51% vốn vào Công ty TNHH Savico Vĩnh Long và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong và có quyền kiểm soát những công ty này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Lỗ tính thuế mang sang	4.858.317.540	4.858.317.540
Chi phí phải trả	305.440.772	305.440.772
	5.163.758.312	5.163.758.312

13. Vay ngắn hạn

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	185.518.605.696	212.619.631.526
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 19)	20.065.219.024	22.507.698.000
	205.583.824.720	235.127.329.526

Vay ngắn hạn được đảm bảo bởi đầu tư ngắn hạn, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác với giá trị ghi sổ lần lượt là 22.320 triệu VND, 124 triệu VND và 14.634 triệu VND, 16.798 triệu VND và 59.504 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: được đảm bảo bằng đầu tư ngắn hạn, tài sản cố định vô hình, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác với giá trị ghi sổ lần lượt là 26.660 triệu VND, 14.634 triệu VND, 16.798 triệu VND và 63.722 triệu VND).

Các khoản vay này chịu lãi suất từ 13,5% đến 21,5% (2011: từ 3,6% đến 20%) một năm.

14. Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	23.972.204	30.499.035
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.208.153.603	4.873.950.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.778.928.237	809.968.110
Các khoản phải nộp khác	1.105.991.200	4.259.964.043
	8.117.045.244	9.974.381.188

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Chi phí phải trả

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí lãi vay	4.897.002.976	4.513.137.137
Chi phí thuê	1.504.724.347	667.117.515
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	167.360.000	331.317.000
Các chi phí khác	59.297.000	-
	6.628.384.323	5.511.571.652

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Cổ tức phải trả	37.911.010.750	450.797.700
Phải trả cho các bên liên quan (a)	240.285.166.516	66.861.425.067
Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba (b)	42.000.000.000	42.100.888.889
Trả thay các bên liên quan	-	12.682.992.137
Hỗ trợ tài chính phải trả cho một khách hàng do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	5.856.400.000	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	800.000.000	-
Khác	5.306.773.579	4.148.844.868
	332.159.350.845	126.244.948.661

- a. Phải trả cho các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là chịu lãi suất năm từ 16% đến 20,5% (2011: từ 16% đến 20,5%) một năm.
- b. Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 chịu lãi suất từ 3% đến 18% (2011: từ 3% đến 20%) một năm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	4.113.262.397	4.635.119.545
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	3.758.268.301	5.542.477.453
Sử dụng quỹ trong kỳ	(5.916.896.467)	(5.194.126.890)
Số dư cuối kỳ	1.954.634.231	4.983.470.108

18. Nợ dài hạn khác

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Ký quỹ dài hạn nhận được	11.791.710.954	11.701.852.154
Phải trả dài hạn khác	101.226.126.054	100.005.543.413
	113.017.837.008	111.707.395.567

Phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền nhận góp vốn của các đối tác tham gia vào các dự án bất động sản của Công ty và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

19. Vay dài hạn

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn		
• Vay dài hạn có đảm bảo	144.480.152.914	99.288.790.890
• Vay dài hạn không có đảm bảo	-	17.500.000.000
	144.480.152.914	116.788.790.890
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	100.000.000.000
	244.480.152.914	216.788.790.890
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh số 13)	(20.065.219.024)	(22.507.698.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	224.414.933.890	194.281.092.890

Vay dài hạn có đảm bảo được đảm bảo bằng các tài sản có giá trị ghi sổ là 278.870 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 248.526 triệu VND).

Các khoản vay dài hạn này chịu lãi suất từ 16% đến 22% (2011: từ 16,8% đến 24,5%) một năm.

Trái phiếu dài hạn được phát hành vào tháng 7 năm 2010 theo mệnh giá. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 7 năm 2015 và được hoàn trả theo mệnh giá. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 74.829 triệu VND (31 tháng 12 năm 2011: 60.126 triệu VND), và chịu lãi suất là 19,5% (2011: 19%) một năm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

20. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Doanh thu chưa thực hiện từ việc thuê đất của Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	56.323.333.318	56.933.333.320
Doanh thu từ Dự án Savico-Vinaland thể hiện chênh lệch trên đánh giá quyền khai thác dự án	46.473.110.000	47.046.852.000
Khác	746.908.827	791.083.589
	103.543.352.145	104.771.268.909

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	14.731.614.307	5.218.459.791	59.371.371.259	645.651.559.302
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	3.493.523.303	3.493.523.303
Trích các quỹ	-	-	-	-	4.988.229.708	(4.988.229.708)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.542.477.453)	(5.542.477.453)
Chuyển sang quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	(2.262.462.404)	2.262.462.404	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.662.743.236)	(1.662.743.236)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	25.695.937.165	616.964.354.916
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	34.089.159.703	34.089.159.703
Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(865.263.669)	(865.263.669)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	58.919.833.199	650.188.250.950

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	58.919.833.199	650.188.250.950
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	33.369.598.778	33.369.598.778
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.758.268.301)	(3.758.268.301)
Cổ tức (thuyết minh số 31)	-	-	-	-	-	(37.463.260.500)	(37.463.260.500)
Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.503.307.320)	(1.503.307.320)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	49.564.595.856	640.833.013.607

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Tổng doanh thu		
• Bán hàng	15.190.708.254	37.612.074.455
• Dịch vụ	5.821.666.559	4.947.029.610
• Dịch vụ bất động sản đầu tư	26.377.060.591	26.031.789.604
• Doanh thu từ bất động sản	4.950.676.177	-
	52.340.111.581	68.590.893.669
Các khoản giảm trừ doanh thu	(40.399.050)	(45.451.188)
Doanh thu thuần	52.299.712.531	68.545.442.481

24. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Hàng hóa đã bán	13.755.197.320	34.481.609.748
Dịch vụ đã cung cấp	6.797.180.863	6.661.147.588
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	3.811.142.457	4.194.417.239
Giá vốn bất động sản	3.664.713.380	-
	28.028.234.020	45.337.174.575

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	4.277.372.948	432.367.753
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	29.638.330	13.399.292.250
Cổ tức	18.846.829.431	20.051.357.647
Khác	1.969.357.593	1.767.817
	25.123.198.302	33.884.785.467

26. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	40.968.662.184	37.698.018.135
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	20.006.631.638	267.334.300
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(9.361.399.740)	6.703.850.847
Chi phí kinh doanh chứng khoán	18.292.540	226.955.654
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	122.021	534.324.610
	51.632.308.643	45.430.483.546

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

27. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Thu nhập từ Dự án Savico-Vinaland (*)	573.742.000	1.122.322.500
Thu nhập từ khách hàng do vi phạm hợp đồng (**)	30.000.000.000	-
Hỗ trợ từ Vinaland Investments Limited trong thời gian xây dựng Dự án Savico-Vinaland	18.456.315.000	-
Thu nhập từ một bên liên quan cho việc khai thác quyền sử dụng đất tại Thành phố Đà Nẵng	-	3.454.545.454
Thu nhập từ thanh lý phòng trưng bày cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Savico-Mekong	1.377.993.015	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	44.715.346	-
Khác	143.717.450	859.834.098
	50.596.482.811	5.436.702.052

(*) Thu nhập này liên quan đến thu nhập do đánh giá lại quyền phát triển dự án đem góp vốn vào Công ty TNHH Savico-Vinaland, một công ty liên kết, như một phần vốn góp của Công ty vào công ty liên kết.

(**) Thu nhập này thể hiện tiền bồi thường do lỗi vi phạm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất – Dự án Quốc Lộ 13, tại Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức ngày 11 tháng 10 năm 2011. Khoản bồi thường này đã được thống nhất theo biên bản thỏa thuận ngày 15 tháng 5 năm 2012 và hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 23 tháng 5 năm 2012 tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	334.203.603	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	33.703.802.381	3.493.523.303
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	8.425.950.595	873.380.826
Thu nhập không chịu thuế	(4.711.707.358)	(5.012.839.412)
Chi phí không khấu trừ thuế	64.429.278	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(4.503.396.352)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.058.927.440	4.139.458.586
	334.203.603	-

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm, từ năm 2007 đến năm 2011.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	33.369.598.778	3.493.523.303

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ và cuối kỳ	24.975.507	24.985.524

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	11.046.725.441	9.218.262.787
Phải thu thương mại và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn	(iii)	164.619.442.813	114.287.697.621
		176.370.670.560	124.336.076.147

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Phải thu thương mại và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn – chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn – tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong hạn	157.061.324.840	109.556.304.625
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	1.684.822.100	39.640.000
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	5.873.295.873	4.691.752.996
	164.619.442.813	114.287.697.621

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	337.110.010.074	349.790.678.130	349.790.678.130	-	-	-
Vay ngắn hạn	185.518.605.696	203.677.704.115	203.677.704.115	-	-	-
Phải trả người lao động	27.424.147.160	27.424.147.160	27.424.147.160	-	-	-
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	160.070.833.333	19.770.833.333	19.770.833.333	120.529.166.667	-
Vay dài hạn	144.480.152.914	230.814.690.233	21.733.200.114	60.604.482.014	101.993.915.547	46.483.092.558
Nợ dài hạn khác	113.017.837.008	113.017.837.008	61.434.883.390	11.791.710.954	-	39.791.242.664
	907.550.752.852	1.084.795.889.979	683.831.446.242	92.167.026.301	222.523.082.214	86.274.335.222

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch đầu tư bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có các khoản tài sản thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD
Tiền	697
Tài sản tiền tệ khác	3.613.500
	3.614.197

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 30/6/2012 VND
USD	20.828

Không có tác động đáng kể có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nợ dài hạn 144.480.152.914 VND và nợ ngắn hạn 417.316.222.849 VND của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định:		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	99.314.174.277
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	100.000.000.000
	100.000.000.000	199.314.174.277
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi:		
Vay ngắn hạn	185.518.605.696	235.127.329.526
Các khoản phải trả, phải nộp khác	231.797.617.153	-
Vay dài hạn	144.480.152.914	94.281.092.890
	561.796.375.763	329.408.422.416

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Công ty giảm đi 4.532.865.046 VND.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị hợp lý của các tài sản tài chính ngắn hạn không khác biệt nhiều so với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị hợp lý của trái phiếu dài hạn và vay dài hạn dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 không khác biệt nhiều với giá trị ghi sổ.

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản nợ dài hạn khác nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Phải thu thương mại và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

31. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 6 tháng 4 năm 2012 đã quyết định chia cổ tức của năm 2011 là 37.463 triệu VND, bằng 15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	1.239.000.000	1.263.000.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	402.000.000	348.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát	146.000.000	145.000.000
	1.787.000.000	1.756.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	1.004.336.000	971.896.335
		Lãi cho vay	-	76.066.667
		Chi phí lãi vay	3.535.360.138	-
		Vay từ công ty con	27.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cổ tức nhận từ công ty con	-	412.502.500
		Tiền thuê thu từ công ty con	416.902.184	244.320.000
		Mua hàng hóa từ công ty con	-	3.439.549.545
		Hoa hồng nhận từ công ty con	736.443.200	969.841.335
		Chi phí lãi vay	-	11.819.444
		Vay từ công ty con	3.500.000.000	-
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	1.533.217.185	1.389.179.088
		Cổ tức nhận từ công ty con	8.328.000.000	-
		Chi phí lãi vay	117.736.112	-
		Vay từ công ty con	45.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn	-	49.401.422
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	610.000.002	610.000.002
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Lãi cho vay	4.140.414.907	-
		Chi phí lãi vay	2.002.833.334	361.666.667
		Vay từ công ty con	14.000.000.000	-
Công ty TNHH Đông Đô Thành	Công ty con	Cổ tức nhận từ công ty con	440.000.000	-
		Lãi cho vay	279.300.000	-
		Vay từ công ty con	25.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Công ty TNHH Savico Vĩnh Long	Công ty con	Góp vốn	2.295.000.000	-
		Lãi cho vay	13.772.222	-
		Cho công ty con vay	400.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong	Công ty con	Góp vốn	1.530.000.000	-
Công ty Liên doanh Toyota Giải phóng (TGP)	Công ty con	Cổ tức nhận từ công ty con	2.029.924.997	15.216.133.547
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	-	2.057.085.000
		Nhận hỗ trợ tài chính từ công ty liên kết	74.500.000.000	20.000.000.000
		Tiền mua hàng hóa trả trước cho công ty liên kết	64.500.000.000	-
		Mua hàng hóa từ công ty liên kết	-	29.200.000.000
		Chi phí lãi vay	186.662.666	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Công ty liên kết	Góp vốn	-	2.940.000.000
		Cổ tức nhận từ công ty liên kết	401.674.934	-
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết	1.092.004.600	1.137.157.500
		Chi phí tiền điện thu từ công ty liên kết	188.854.884	181.913.405
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Tạm ứng từ công ty liên kết	-	373.950.000
		Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	345.433.000	678.298.606
		Thu nhập lãi cho vay	17.311.111	-
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Thu nhập từ công ty liên kết về việc khai thác quyền sử dụng đất ở Thành phố Đà Nẵng	-	3.454.545.454

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Công ty TNHH Savico-Vinaland	Công ty liên kết	Phí tư vấn thu từ công ty liên kết	-	3.770.635.393
		Tiền thuê thu từ công ty liên kết	562.495.200	1.342.925.760
		Trả hộ công ty liên kết	-	11.979.434.115

33. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	7.977.304.280	6.672.829.280
Từ hai đến năm năm	16.660.661.120	18.236.453.120
Trên năm năm	19.209.309.776	19.406.669.916
	43.847.275.176	44.315.952.315

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Chi phí mua hàng hóa	13.755.197.320	34.481.609.748
Chi phí nhân công và nhân viên văn phòng	7.094.588.942	6.646.619.038
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.074.019.794	5.108.865.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.499.789.311	8.678.661.834
Các chi phí khác	5.376.316.503	4.027.166.990

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện hành. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được phân loại lại như sau:

	31/12/2011 (Phân loại lại) VND	31/12/2011 (Theo báo cáo trước đây) VND
Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	9.974.381.188	5.714.417.145
Chi phí phải trả	5.511.571.652	9.771.535.695

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc



ngày 8 tháng 8 năm 2012